

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
QUÝ II NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số QĐ-BVĐK ngày / /2026 của Bệnh viện ĐK tỉnh Ninh Bình)

ĐVT: Triệu đồng					
Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện Quý II/2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện Quý II năm 2026 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu - chi sự nghiệp tại đơn vị				
1	Số thu sự nghiệp	1.041.597	337.330	32,39	130,85
	Thu giá viện phí	965.306	292.998	30,35	
	Thu từ BHYT	719.630	208.093	28,92	115,43
	Thu trực tiếp từ bệnh nhân	245.676	84.905	34,56	137,67
1.2	Thu khác	76.291	44.332	58,11	
	Nhà thuốc	55.342	35.374	63,92	
	Thu hoạt động khác	20.949	8.957	42,76	
2	Chi từ nguồn thu sự nghiệp tại đơn vị	1.041.597	253.408	24,33	147,77
2.1	Chi sự nghiệp y tế	835.019	203.226	24,34	147,96
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên. Trong đó:	835.019	203.226	24,34	147,96
	- Chi cho con người	244.739	40.337		
	- Chi mua sắm hàng hóa dịch vụ	39.768	6.400		
	- Chi mua sắm TS, s/c phục vụ chuyên môn	496.037	110.490		
	- Chi nhà thuốc	40.454	26.843		
	- Chi khác	5.316	16.658		
	- Nộp ngân sách, lãi vay ODA	8.706	2.498		
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		-		
2.2	Chi quản lý hành chính	206.578	50.182	24,29	147,02
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ. Trong đó:	206.578	50.182	24,29	147,02
	- Chi cho con người	61.185	10.084		
	- Chi mua sắm hàng hóa dịch vụ	9.942	1.600		
	- Chi mua sắm, s/c phục vụ chuyên môn	124.009	27.623		
	- Chi nhà thuốc	10.113	6.712		
	- Chi khác	1.329	4.164		
	- Nộp ngân sách				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.546,8	3,90		
I	Nguồn ngân sách trong nước	6.546,8	3,90		
1	Chi quản lý hành chính				
2	Nghiên cứu khoa học				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-		-	-
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	6.546,8	3,9	-	-
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	6.546,8	3,90		